

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2017/HSST
Ngày 22 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai và ông Ngô Xuân Dệt - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 146/2017/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Văn T.

Sinh năm 1984 tại Hưng Yên.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Làng O, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ văn hóa: 0/12.

Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Trần Thị V.

Bị cáo có 03 tiền án:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2001/HSST ngày 22-11-2001, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “*Cướp tài sản*”.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2003/HSST ngày 12-10-2003, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 8 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt với bản án số 99/2001/HSST ngày 22-11-2001 bị cáo phải chấp hành 32 tháng tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 170/2007/HS-ST ngày 09-11-2007, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 9 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 16-6-2017.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.

Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Văn T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Vào ngày 12-6-2017, Lê Văn T gọi cho 1 đối tượng tên H (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) ở thành phố H hỏi mua 1.400.000 đồng tiền ma túy khay và 10 viên thuốc lắc với giá 2.000.000 đồng, H đồng ý và hẹn gửi theo xe Bắc - Nam cho T. Đến ngày 13-6-2017, T nhận được điện thoại của nhà xe Bắc - Nam và đứng đợi trên đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nhận số ma túy trên mang về nhà để cất giấu và sử dụng. Đến 19 giờ ngày 16-6-2017, khi T đang ở nhà tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai thì nhận được điện thoại của 1 đối tượng tên C (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi mua 4.000.000 đồng ma túy khay và 3.000.000 đồng thuốc lắc, T đồng ý bán và hẹn gặp tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, T đi đến đường V thuộc tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, gọi điện thoại cho C đến nhận ma túy. Khi T đang đợi C đến để bán ma túy thì bị phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trong túi áo lạnh của Lê Văn T 1 gói nilon, bên trong có chứa chất rắn, dạng cục bột, màu trắng; 10 viên nén màu xanh có kí hiệu LV; 1 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen kèm sim số; 1 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, màu đen kèm sim số và 370.000 đồng, T khai nhận số ma túy trên T cất giữ với mục đích để bán lại kiếm lời. Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Lê Văn T nhưng không thu giữ được gì.

Tại Bản kết luận giám định số 213/KLGD ngày 22 tháng 6 năm 2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

“1. Chất màu trắng dạng cục, bột trong 01 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 2,8004 gam, loại Ketamine.

2. 10 viên nén hình trụ, màu xanh, một mặt có kí hiệu LV, trong 01 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 3,4915 gam, loại MDMA”.

Tại bản cáo trạng số 150/CTr-VKS ngày 18-10-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu, tiêu huỷ 1 phong bì được niêm phong số 213/PC54 ngày 22-6-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Đối với 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen kèm theo sim số đã thu giữ của bị cáo là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để liên lạc để mua ma túy. Do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 370.000 đồng và 1 điện thoại di động Iphone 4 màu đen kèm theo sim số là tài sản của Lê Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, cần tuyên trả cho Lê Văn T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo Lê Văn T khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 16-6-2017, tại Tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Tiếp đang cất giấu 2,8004 gam chất ma túy loại Ketamine và 3,4915 gam chất ma túy loại MDMA với mục đích để bán, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tác hại của các chất ma túy đối với sức khoẻ con người, việc sử dụng các chất ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác; bị cáo cũng biết rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, trao đổi các chất ma túy nhưng với động cơ muốn kiếm tiền một cách bất chính bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự. Do bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên trường hợp phạm tội của bị cáo thuộc vào tình tiết định khung tăng nặng quy định tại

điểm p khoản 2 của điều luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một mức án tương xứng.

Bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải gánh chịu.

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu, tiêu huỷ 1 phong bì số 213/PC54 ngày 22-6-2017 có đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen kèm theo sim số của bị cáo vì bị cáo đã sử dụng điện thoại này vào việc liên lạc để mua bán chất ma túy.

Đối với 1 điện thoại di động Iphone 4 màu đen kèm theo sim số và 370.000 đồng là tài sản của Lê Văn T không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, vì vậy sẽ tuyên trả cho bị cáo.

Đối với đối tượng H là người mà bị cáo Lê Văn T khai đã bán chất ma túy loại Ketamine và MDMA cho T; đối tượng C là người mua chất ma túy loại Ketamine và MDMA của T. Quá trình điều tra do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của các đối tượng trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 7 (*bảy*) năm 6 (*sáu*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16-6-2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu huỷ 1 phong bì số 213/PC54 ngày 22-6-2017 có đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen kèm theo sim số của bị cáo Lê Văn T.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 1 điện thoại di động Iphone 4 màu đen kèm theo sim số và 370.000 đồng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02-11-2017 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

3. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền